



## Bài báo nghiên cứu

# SẮC THÁI TIẾNG CƯỜI TRONG THƠ NÔM TRÀO PHÚNG HỌC LẠC

*Nguyễn Hữu Rạng*

*Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

*Tác giả liên hệ: Nguyễn Hữu Rạng – Email: 4401601040@student.hcmue.edu.vn*

*Ngày nhận bài: 14-11-2021; ngày nhận bài sửa: 17-02-2022; ngày duyệt đăng: 21-4-2022*

### TÓM TẮT

*Học Lạc là một trong những nhà thơ Nam Bộ xuất sắc với dòng thơ Nôm trào phúng qua nhiều đóng góp nổi bật trên thi đàn trung đại dân tộc vào nửa cuối thế kỉ XIX. Bằng phương pháp nghiên cứu phong cách học và phân tích cấu trúc, bài viết phân tích sắc thái tiếng cười, một nét nghệ thuật đặc sắc trong thơ trào phúng của ông. Sắc thái tiếng cười trong thơ Nôm trào phúng của Học Lạc xuất hiện với ba đặc điểm: tiếng cười kín đáo, thâm trầm; tiếng cười đốp chát, bộc trực và tiếng cười chua chát, tiếu nuối. Từ đó, bài viết hướng đến mục đích trọng tâm là làm rõ một đặc trưng nổi bật trong phong cách trào phúng bộc trực, sâu cay của nhà thơ. Ngoài ra, bài viết còn đóng góp về mặt tư liệu, sưu tầm các sáng tác thơ Nôm trào phúng của Học Lạc đang có xu hướng bị thất truyền hoặc bị dân gian hóa từ trước đến nay.*

**Từ khóa:** phong cách nghệ thuật; Học Lạc; thơ Nôm trào phúng; sắc thái tiếng cười

### 1. Đặt vấn đề

Học Lạc được biết đến là một trong những hiện tượng trào phúng xuất sắc của dòng thơ Nôm truyền thống trên thi đàn dân tộc nửa cuối thế kỉ XIX. Nếu như ở đất Bắc Hà, người đương thời thường biết đến Nguyễn Khuyến với chất giọng trào phúng mang sắc thái thâm trầm, từng trải của một lão nông ngoảnh mặt nhưng chưa thể dứt khoát với thế cuộc, hay một Trần Tế Xương với chất giọng trào phúng mang sắc thái bộc trực trước cảnh nhiều nhương, đầy biến loạn của xã hội giao thời Tây – Tàu nhốn nháo, thì ở đất Nam Bộ, Học Lạc lại ghi dấu ấn trong lòng công chúng mộ điệu với giọng trào phúng đa sắc thái phù hợp với từng đối tượng. Tiếng thơ của ông không những chạm đến mà còn lật tung, đá phá tất cả những gì lố lăng, kệch cỡm, vạch trần sự thối nát, mục ruỗng của một mô hình làng xã phong kiến tại nông thôn Nam Bộ trước khi nó tiêu biến hoàn toàn vào guồng quay của chế độ thuộc địa Pháp vào đầu thế kỉ XX.

Thế nhưng, các sáng tác thơ Nôm trào phúng của ông được lưu truyền nguyên vẹn

---

*Cite this article as:* Nguyen Huu Rang (2022). Shades of laughter in Hoc Lac's satirical nom poems. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 19(4), 590-601.

cho đến ngày nay nhìn chung còn khá ít. Phần vì những bài thơ ông viết chủ yếu chỉ để giải tỏa nỗi lòng, bộc bạch nỗi niềm, thể hiện thái độ phản kháng trước thời cuộc biến loạn chứ không có ý định lưu truyền, sao chép để lại cho hậu thế. Mặt khác, phần vì thơ ca của ông chủ yếu được nhân dân truyền nhau theo con đường truyền miệng. Vì vậy, thơ Học Lạc có xu hướng bị “dân gian hóa”. Các công trình nghiên cứu chuyên sâu về thơ Nôm trào phúng của ông cho đến nay vẫn còn rất ít, cụ thể: công trình sưu tầm *Những danh sĩ miền Nam (1990)* của Hồ Sỹ Hiệp và Hoài Anh; luận văn thạc sĩ *Thơ ca hiện thực trào phúng Nam Kỳ lục tỉnh cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX (Khảo sát qua thơ Phan Văn Trị, Huỳnh Mãn Đạt, Học Lạc và Nhiêu Tâm) (2018)* của Trần Thị Cẩm Ly... Tuy nhiên, những công trình này nhìn chung vẫn chưa đề cập cụ thể phương diện “sắc thái tiếng cười” trong thơ ông. Còn về vấn đề nghiên cứu thơ Nôm trào phúng Học Lạc từ góc độ phong cách nghệ thuật qua phương diện “sắc thái tiếng cười” thì hoàn toàn chưa có một công trình hoặc bài viết nào đề cập.

Từ góc độ phong cách nghệ thuật, bài viết này tập trung phân tích ba đặc điểm cơ bản trong sắc thái tiếng cười trào phúng của Học Lạc, góp phần làm rõ đặc trưng nổi bật trong phong cách trào phúng bộc trực, sâu cay của nhà thơ trên thi đàn dân tộc nửa cuối thế kỉ XIX.

## 2. Giải quyết vấn đề

### 2.1. Tiếng cười kín đáo, thâm trầm

Thơ ca trung đại nói chung và thơ ca trào phúng nửa cuối thế kỉ XIX nói riêng tự thuở nào đã trở thành tiếng nói bày tỏ tình cảm, là tiếng lòng cất lên của các thi nhân mỗi khi hạ bút đề thơ. Đã có không ít bậc văn nhân, nho sĩ tài hoa uyên bác mượn thơ như một cách bày tỏ tấm lòng trong thiên hạ: Nguyễn Trãi mượn thơ để vui thỏa thú điền viên, bày tỏ tấm lòng “ưu thời mẫn thế” trước thời cuộc: “Non nước cùng ta đã có duyên/ Được nhàn sá dưỡng tính tự nhiên” (*Tự thán IV – Quốc Âm thi tập*); bà Huyện Thanh Quan mượn thơ để bày tỏ nỗi niềm hoài cổ trước dĩ vãng với lời thơ tha thiết một điệu buồn, nên thơ chìm đắm trên khung trời sầu bi: “Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo/ Nền cũ lâu đài bóng tịch dương” (*Thăng Long hoài cổ*); Nguyễn Du mượn thơ như một tiếng kêu lạc loài với nỗi đau li biệt của kiếp phong trần giữa thời đại dâu bể: “Hồng Lĩnh vô gia huynh đệ tán/ Bạch đầu đa hận tuế thời thiên” (*Quy nhĩ Hải Nguyên Tiêu – Thanh Hiên thi tập*); Nguyễn Công Trứ mượn thơ để bày tỏ và khẳng định chí trượng phu trong vòng trời đất: “Đã mang tiếng ở trong trời đất/ Phải có danh gì với núi sông” (*Đi thi tự vịnh*)... Đến với thơ ca trào phúng nửa cuối thế kỉ XIX cũng vậy! Bên cạnh việc tạo ra những tiếng cười mỉa học sảng khoái cho người đọc “cười ra nước mắt”, các nhà thơ trào phúng Việt Nam còn qua đó bộc lộ nỗi lòng ngổn ngang trăm mối của mình, nhất là trong bối cảnh nước nhà tan nát, vua quan hủ bại, hèn kém, giặc lang sa nghênh ngang mở rộng xâm lấn bờ cõi.

Chứng kiến những cảnh tượng ấy nơi ông đang sống (làng Mỹ Chánh, huyện Kiến Hưng, tỉnh Định Tường), Học Lạc đã dùng chính thơ ca của mình, mượn tiếng cười trào

phúng để bày tỏ nỗi niềm chua xót thâm kín, tái hiện chân thật bức tranh nông thôn Nam Bộ trong buổi đầu giao thời. Vì vậy, sắc thái tiếng cười trong thơ Nôm trào phúng của Học Lạc có đôi lúc mang đặc điểm kín đáo, thâm trầm. Tiếng cười trong thơ ông xét từ góc độ này luôn ẩn chứa nhiều giá trị, thông điệp sâu sắc khiến người đọc phải suy ngẫm, day dứt. Người đọc cứ ngỡ thơ Nôm Học Lạc chỉ là thứ thơ để mua vui, để cười cho hả hê, giải trí nhưng thử hỏi mấy ai hiểu được thi nhân cũng có một nỗi đau, nỗi chua xót, cay đắng đến quặn gan xé ruột bởi chỉ một điều đơn giản ông cũng là người dân bị mất nước, cũng mang chung nỗi đau của xóm làng mình và hòa chung với nỗi đau của dân tộc trong đêm đen nô lệ. Có thể nói, sắc thái kín đáo, thâm trầm của tiếng cười trào phúng ở thơ Học Lạc là một trong những điểm cơ bản góp phần làm nổi bật tính chất sâu cay trong phong cách trào phúng của nhà thơ.

Sắc thái kín đáo, thâm trầm trong tiếng cười ở thơ Học Lạc được thể hiện qua các đối tượng trào phúng, cụ thể là bọn hương chức, hội tề chuyên quấy nhiễu đời sống dân lành và bọn tay sai bán nước. Nhà thơ đã sớm nhận thức rõ bức tranh lộn xộn, nhốn nháo trong xã hội nông thôn Nam Bộ thời bấy giờ khi “ngó mắt” vào khung cảnh trời chiều âm đạm:

“Ngó ra ngoài ngõ, gió hiu hiu  
 Xem thấy cảnh trời, trời đã chiều  
 Hăm hở trẻ con múa lại hát  
 Đưa thì làm tướng, đưa làm yêu.”

(*Tức cảnh ban chiều*)

Mở đầu là hai câu thơ tả khung cảnh thiên nhiên lúc trời chiều, khi ánh tà dương dần khuất bóng. Trên khung nền ấy, tuyệt nhiên không hề có bất cứ dấu hiệu nào của sự chuyển động, ngoài trừ chuyển động rất khẽ và nhẹ của “gió hiu hiu”. Tất cả đều tĩnh mịch, yên ắng, vắng lặng đến rợn ngợp dưới ánh tà. Cái hay của hai câu thơ mở đầu không chỉ đơn thuần miêu tả cảnh thiên nhiên mà nhà thơ còn ngầm phác họa nên bức tranh chân thực về tình cảnh xã hội nông thôn Nam Bộ lúc bấy giờ. Xã hội ấy cũng tĩnh mịch, cũng u tối dưới ách nô lệ thực dân như chính cảnh chiều tà lúc ngày sắp tàn. Người đọc có thể dễ dàng nhận thấy cõi lòng trĩu nặng của thi nhân gửi gắm ngay từ những lời thơ mở đầu. Đó là nỗi đau chua xót, cay đắng của những con người trong buổi đầu chứng kiến cảnh nước mất nhà tan, mà cụ thể đối với Học Lạc là những cảnh trái tai gai mắt, cảnh ức hiếp, bức hại dân lành của bọn hương chức, hội tề đốt nát; bọn tay sai bán nước cam tâm luôn cúi trước kẻ thù. Cõi lòng của thi nhân Nam Bộ trong hai câu thơ đầu cô quạnh, sầu muộn. Nếu đặt ở tương quan đối sánh với các câu thơ trong những bài thơ trào phúng khác của nhà thơ như bài: *Con tôm, Con trâu, Chó chết trôi...* người đọc không khó để nhận ra nó không phải là lời thơ ồn ào, chửi mắng, quát tháo một cách quyết liệt, dữ dội theo kiểu: “Chẳng biết mình va cút lộn đầu” (*Con tôm*), “Nghé ngo già đời quen ghé ngo/ Năm dây đàn gẩy biết chi đâu” (*Con trâu*)... mà ngược lại, đó là lời thơ nhẹ nhàng, sâu tui miên man, nhịp thơ trầm lắng biểu thị cho nỗi đau trước thời cuộc của người: “gió hiu hiu”, “xem thấy

cảnh trời, trời đã chiều”. Có thể thấy, chỉ với hai câu thơ mở đầu ngắn gọn, không rườm rà, kiểu cách về mặt từ ngữ, hoàn toàn cô đọng về lời nhưng tinh tế về ý, Học Lạc đã vẽ nên “một bức tranh phong cảnh có đủ màu sắc, đường nét...” (Ho, & Hoai Anh, 1990, p.144), đồng thời làm nền cho sự việc trào phúng sắp sửa diễn ra ở hai câu thơ sau. Bước sang hai câu thơ cuối, người đọc bắt gặp lại yếu tố trào phúng thường thấy trong thơ Học Lạc:

“Hăm hở trẻ con múa lại hát  
Đưa thì làm tướng, đưa làm yêu.”

Nhà thơ mượn cảnh chơi đùa của trẻ con trong xóm dưới trời chiều nhằm đả kích, lên án một cách kín đáo bọn hương chức, hội tề; bọn tay sai bán nước bất lương. Tiếng cười trong câu thơ được tác giả tạo ra bằng việc tái sử dụng những hình ảnh quen thuộc, sẵn có trước mắt: “trẻ con”, “hăm hở... múa lại hát” nhằm diễn tả nội hàm trào phúng bên trong. Trong mắt nhà thơ đất Nam Kỳ, chúng chẳng khác gì những kẻ dị hình dị dạng: “làm tướng”, “làm yêu” đang diễn trò giữa đời. Nhà thơ ví những đối tượng như hương chức, hội tề trong làng vốn dĩ là những tầng lớp trên, chức cao vọng trọng chẳng khác gì một đám trẻ con đang bày trò trong làng. Điều này cho thấy thái độ căm ghét, khinh miệt của tác giả đối với bọn quan làng dốt nát, hèn kém. Tiếng cười trào phúng trong bài thơ không chỉ đơn thuần là sự châm biếm, đả kích trực diện mà còn mang sắc thái kín đáo, thâm trầm. Ngoài mặt là cười nhưng ẩn chứa bên trong là nỗi lòng chua xót, cay đắng của nhà thơ khi nhìn vào thời cuộc nước nhà, bất lực mà trông cảnh non sông bị giày xéo, thôn xóm suy vi nhưng đành bất lực, bởi lẽ trên thực tế, triều đình nhà Nguyễn đã chú ý cầu hòa, thương thuyết “trá hàng” (cắt đất dâng giặc) với quân lang sa. Động tác “ngó ra ngoài ngõ” của nhà thơ ở câu thơ đầu cũng có thể hiểu là “ngó” vào thực tại của xã hội, “ngó” vào vận mệnh đất nước đang chìm dần vào đêm trường nô lệ, “ngó” vào những cái nhiễu nhương, nhốn nháo ở buổi giao thời.

Có thể nói, dung lượng toàn bài thơ chỉ vồn vện bốn câu ngắn gọn nhưng là cả một dòng tâm trạng nhất quán của nhà thơ, cụ thể là tâm trạng đau đớn, chua xót, ngậm ngùi trước cảnh loạn li, ngay cả khi tác giả cố gắng tạo ra tiếng cười nhưng vẫn không thể che lấp được tâm trạng ấy. Tiếng cười mà Học Lạc tạo nên trong trường hợp này vốn dĩ không nặng về từ ngữ nhưng lại hàm chứa các sức nặng về ý nghĩa biểu đạt, nội dung hàm ẩn:

... “nhẹ như bấc mà nặng như chì”, như búa tạ giáng xuống uy quyền của bọn vua quan tay sai của thực dân. Tiếng cười trong chính nghĩa không phải chỉ là khí giới của kẻ yếu để đương đầu với đối phương lớn mạnh hơn mình, mà còn là một trợ lực, một vũ khí văn hóa có khi mạnh hơn mọi sức mạnh vật chất (Tran, 2018, p.82).

Cái cười kín đáo, mang nhiều ý nghĩa thực tại khiến người đọc phải suy ngẫm thậm chí day dứt, xót xa. Chính điều này đã góp phần tạo nên tiếng cười với sắc thái kín đáo, thâm trầm trong phong cách nghệ thuật trào phúng của Học Lạc.

## 2.2. Tiếng cười đốp chát, bộc trực

Bên cạnh tiếng cười mang sắc thái kín đáo, thâm trầm còn là tiếng cười mang sắc

thái đốp chát, bộc trực. Sắc thái tiếng cười ở trường hợp này giữ vai trò chủ đạo trong các sáng tác của Học Lạc, đồng thời là công cụ hỗ trợ đắc lực trong việc đả phá trực diện vào thành trì hủ bại của chế độ phong kiến Việt Nam ở nông thôn Nam Bộ nửa cuối thế kỉ XIX. Mặt khác, chính sắc thái tiếng cười này đã góp phần thể hiện rõ nét tính chất “bộc trực” trong phong cách trào phúng của Học Lạc.

Tiếng cười mang sắc thái đốp chát, bộc trực được Học Lạc sử dụng trên hầu hết các đối tượng trào phúng từ chính bản thân ông (**tự trào**) cho đến bọn quan làng dốt nát, quen thói vênh váo, xác xược và bọn tay sai bất lương, làm tội mọi cho giặc, quay lưng làm ngơ trước nhân dân (**thế trào**). Nhà thơ không hề tỏ ra run sợ hay vị nể bất kì một tầng lớp trên nào trong xã hội nông thôn Nam Bộ thời bấy giờ. Nói cách khác, tác giả tự để cho tiếng cười trong thơ xuất hiện một cách tự nhiên, trực diện, thẳng thắn khiến người đọc đôi lúc cũng phải “thất kinh” trước lời thơ trào phúng đanh thép, sắc bén, mạnh như búa bổ của ông. Có thể nói, ở Học Lạc, tính cách bộc trực, thẳng thắn của kẻ trượng phu hào hiệp Nam Bộ vốn “ghét việc tầm phào/ ghét cay, ghét đắng, ghét vào tận tâm” (*Lục Vân Tiên* – Nguyễn Đình Chiểu) đã chảy sâu vào huyết quản, ngấm sâu trong từng chữ, từng lời trong thơ ông. Nó trở thành một trong những nét đặc trưng xây đắp nên phong cách nghệ thuật trào phúng của thi nhân:

“Nghĩ mình **ti tiện không đài các**  
Vãn chương chẳng phải **thứ mèo quào**  
Danh phận không ra **cái cóc rác**”

(*Tạ hương đăng*)

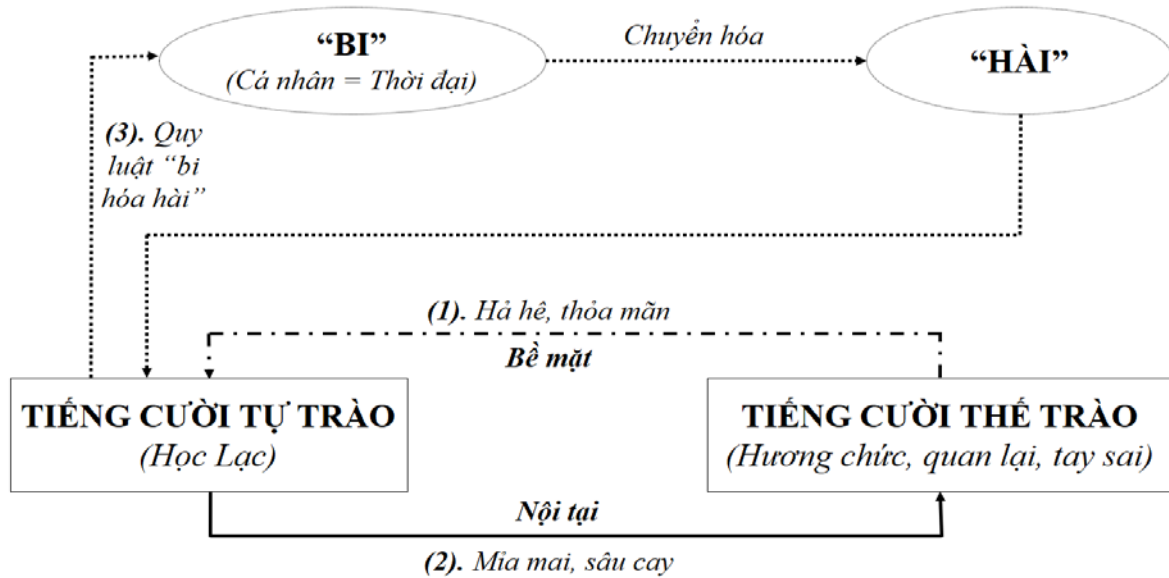
Đứng trước bọn quan làng, nhà thơ tự cất giọng chửi mắng thậm tệ sự bất tài, hèn kém của bản thân, chửi một cách “không ra gì” như một cách thức tạo nên tiếng cười với người đọc. Ông táo bạo đứng trước mặt bọn quan chức, hội tề của làng, đối diện với quần chúng nhân dân mà ra sức chửi mắng, quát tháo chính bản thân mình. Tự gọi bản thân là “*thằng*”, một đại từ nhân xưng mang nét nghĩa hạ đẳng, thấp kém, hơn thế nữa nó hoàn toàn không phù hợp với một người đang thụ giữ chức *Hương văn* như ông. Nhà thơ còn sẵn sàng phơi bày mọi điểm hèn kém, bất tài của bản thân, từ đó hạ thấp mình trước thiên hạ:

“Bởi thế **bơ thờ thẹn núi sông,**  
Dám đâu **vúc vắt ngạo cô bác**”

(*Tạ hương đăng*)

Thế nhưng, đó không phải đơn giản chỉ là chuyện cười cợt, sỉ mắng thậm tệ bản thân mà nhà thơ còn nhân chuyện bị làng bắt vạ tại lễ Kỳ yên để giễu cợt đám quan làng. Bọn dốt nát cứ hả hê, vênh váo trước những lời tự nhục mạ của ông nhưng chúng nào biết rằng thực chất kẻ đang bị cười giễu, châm chọc, xỉ mắng lại chính là mình. Như vậy, có thể thấy, cái độc đáo trong phong cách trào phúng của Học Lạc ở chỗ nhà thơ đang “tự trào” về bản thân nhưng cũng chính là đang “thế trào” trước đời, chửi mình nhưng hóa ra là chửi

người, cụ thể ở đây là đám quan làng dốt nát. Kẻ bị chửi lại biến thành kẻ chửi, kẻ nghe chửi lại biến thành kẻ bị chửi. Chính sự “hoán đổi” này (xem Sơ đồ) đã góp phần làm nên tính chất “bộc trực” nhưng cũng đồng thời tạo nên tính chất “sâu cay” trong phong cách trào phúng ở nhà thơ xét từ phương diện sắc thái tiếng cười.



Sơ đồ mô phỏng cơ chế hình thành, chuyển hóa tiếng cười trong thơ Nôm trào phúng Học Lạc

Mặt khác, khi trào phúng về bọn quan làng hay bọn tay sai bán nước, sắc thái tiếng cười trong thơ ông được thể hiện hoàn toàn thẳng thắn, không có bất kỳ một sự che đậy, lấp liếm. Nói cách khác, một khi đã lên tiếng chửi thì con người ấy phải chửi thẳng mặt, tát cho thật đau:

“Khoe khoang mắt đỏ trong dòng bích,  
 Chẳng biết mình va **cứt lợn đầu**”  
 (Con tôm)

“Mài sừng cho lăm **cũng là trâu**,  
 Ngẫm lại mà coi **thật lớn đầu**.  
 Trong bụng **lam nham ba lá sách**,  
 Ngoài cầm **lém đém một chòm râu**.”  
 (Con trâu)

Có khi nhà thơ tạo nên tiếng cười bằng cách nêu đích danh, gọi thẳng tên bọn chúng mà không chút dè chừng, kiêng nể:

“Có quan hùng dũng **Nguyễn Công Nhàn**,  
**Hùng dũng nhưng mà lại nhát gan**”  
 (Có quan hùng dũng)

Không tỏ ra lúng túng, mà ngược lại, nhà thơ sẵn sàng nêu đích danh vị quan “hùng dũng” đã để mất thành Mỹ Tho (Định Tường) vào tay giặc Pháp năm 1861 chỉ vì quan sợ “con vợ bận chưa an”. Mặt khác, việc làm này của tác giả cũng giúp người đọc hình dung rõ hơn về bộ mặt quan lại triều Nguyễn thời bấy giờ. Có khi nhà thơ không nêu đích danh nhưng lại tạo ra tiếng cười với sắc thái thẳng thừng, bộc trực bằng cách nhấn mạnh, đá xoáy vào những việc làm bất lương, ích kỉ của đám quan lại, thậm chí là cả những bậc công thần trong triều đình như quan Thượng thư Nguyễn Kim Tri – một kẻ sành sỏi nghề lọc lừa đến mức “khôn khéo không ai dám so bì”:

“Gói bánh bon chen bụng dưới chợ

Trông trầu táy mót bán trong ti.”

*(Bồn quan Thượng thư Nguyễn Kim Tri)*

Học Lạc đã vạch trần, lên án thói đầu cơ tích trữ, nạn tham ô của đám quan lại triều Nguyễn giữa lúc bách tính đang trong cơn lầm than đói khổ vì cướp bóc khắp nơi. Không ai có thể ngờ ngay cả đến quan Binh bộ Thượng thư, đứng đầu trong hàng ngũ phẩm nơi dinh, phủ lại có những hành vi tư lợi cá nhân, buôn bán trái phép hòng thu góp bạc vào túi riêng. Tương truyền, Nguyễn Kim Tri là kẻ vô cùng ki cốp, keo kiệt. Thừa lúc loạn lạc, hắn cùng vợ làm bánh trong dinh, phủ và mang ra chợ bán kiếm lời chứ nhất quyết không mang ra phát chẩn cho dân nghèo. Nơi dinh, phủ lại cho sai nha trồng nhiều trầu, thứ sản vật ăn chơi không thể thiếu trong cung đình ngày trước và ngang nhiên trao đổi, buôn bán ngay trong ti hòng trục lợi cá nhân. Biết được việc làm bất lương của vợ chồng tên quan tham, Học Lạc đã viết nên bài thơ trào phúng này nhằm tố cáo, vạch trần tội tham ô, đầu cơ tích trữ của đám quan lại. Không những vậy, nhà thơ còn dùng tiếng cười trào phúng để đả kích thói ăn hối lộ của “vị” quan “sành đời” qua hình ảnh hắn ta xử kiện trên công đường:

“Cái án hạp binh nên xé thịt

**Đành ăn hối lộ lại tha đi.”**

*(Bồn quan Thượng thư Nguyễn Kim Tri)*

Rõ ràng, nhà thơ chẳng hề có chút e sợ hay kiêng nể bất kì một thế lực, tầng lớp trên nào dù đó là những công thần triều đình nơi cấm cung xa xôi, hay bọn hương chức, hội tề làng ngay trước mắt. Tiếng cười của ông luôn mang âm vực rất lớn, kiêu cời trực diện vào từng đối tượng cụ thể khiến chúng phải tự cảm thấy hổ thẹn, tức tưởi. Vì vậy, bọn chúng luôn căm ghét và tìm mọi cách thị uy trước ông. Nhưng dù trong bất kì hoàn cảnh nào, kể cả khi sa vào tay chúng, tiếng cười của Học Lạc vẫn chứa đựng sắc thái đanh thép, đả kích mạnh mẽ:

“**Bọn làng** chẳng vị sĩ năm kinh

Ông Bồn không thương người bầy phủ

Phạt tạ xong rồi trở lộn về:

Quá thời hốt thuốc, lứ bong vự”

*(Ngôi trắng)*

Thơ Nôm trào phúng của ông có thể nói không hẳn chỉ là thơ dùng để giải khuây trong những lúc họp mặt nông nhàn hay những cuộc vui chè chén, mà còn là thứ vũ khí sắc bén, một tiếng vang đánh mạnh vào thành trì hủ bại chế độ phong kiến Việt Nam những năm cuối thế kỉ XIX.

### 2.3. *Tiếng cười chua chát, tiếc nuối*

Tiếng cười với sắc thái chua chát, tiếc nuối được Học Lạc thể hiện qua việc tự trào về bản thân mình. Một chuỗi những tâm trạng tiếc nuối, đau xót và bất lực trước thực tại được nhà thơ nêu ra trong các sáng tác thơ trào phúng của mình, tiêu biểu là bài thơ *Không đề*. Mở đầu bài thơ là trạng thái “giật mình” của thi nhân khi soi gương và nhận ra tuổi già đã đến:

“Năm Kỷ Sửu **tuổi vừa bốn tám**,  
Lấy gương soi ngắm lại **luống cười thâm**  
**Tóc tơ đã nhuộm điểm hoa râu**  
Nhỏ rồi lớn, **lớn rồi già, già trôi kệ.**”

(*Không đề*)

Soi bản thân vào gương, nhà thơ không còn biết gì hơn ngoài việc tự bật ra tiếng cười thâm chua chát: “Lấy gương soi ngắm lại **luống cười thâm**”. Thế nhưng, cái cười trong câu thơ không phải là cái cười để mua vui, cái cười hả hê hay châm biếm, đả kích mà là tiếng cười trong sự chua xót, bất lực, ngậm ngùi khi nhìn lại bản thân. Nước nhà đang trong buổi loạn lạc: “Hai bên chưa chắc đặng cùng không/ Thiên hạ ngày tròn mắt trông” (*Cặp gà*) bản thân chưa thể làm gì để cứu nước, cứu dân vậy mà tuổi già, bệnh tật đã sớm tìm đến như một quy luật tất yếu của vũ trụ. Nhà thơ đâu biết giữa chôn nhân gian không ai có thể thoát khỏi quy luật vốn dĩ tuần hoàn của “sinh – lão – bệnh – tử”, đâu biết “nhỏ rồi lớn, lớn rồi già, già trôi kệ” là vậy, nhưng dường như trong lời thơ vẫn nặng trĩu một nỗi niềm tiếc nuối, xót xa. Người tiếc nuối khoảng thời gian đã qua và bất lực nhìn vào thực tại mà chẳng làm được gì, chỉ còn biết “luống cười thâm” – cái cười cay đắng, chua chát của những con người đang phải đối diện với nghịch cảnh mất nước. Cái cười của kẻ ý thức được cảnh ngộ của dân tộc nhưng bất lực, bởi giờ đây:

“Thân hạt lúa nổi chìm trên mặt bể  
Cánh chim hồng cao thấp dưới chân trời  
Thôi từ đây đến năm mươi, sáu, bảy, tám, chín, mười mươi  
Già một kiếp, cũng ngày tàn cho mãi kiếp  
Nhập thế cuộc bất khả vô công nghiệp.”

(*Không đề*)

Mỗi câu thơ đều cho thấy một sự bất lực, ngao ngán, tuyệt vọng của Học Lạc. Số phận mà tác giả nêu ra trong câu thơ cũng chính là số phận chung của con người trước biến thiên của thời cuộc. Đó là số phận lênh đênh, trôi nổi vô định trong đêm trường nô lệ:



“Thân hạt lúa nổi chìm trên mặt bể,  
Cánh chim hồng cao thấp dưới chân trời.”

Tác giả ví bản thân như loài chim hồng nhưng chim hồng giờ đây cũng đang phải chao đảo, ngả nghiêng giữa vòm trời cao rộng, cũng giống như tình cảnh thực tại mà nhà thơ đang phải chịu đựng – mất phương hướng, trôi nổi vô định giữa xã hội giao thời đầy kịch côm. Con người trong *Không đề* của Học Lạc dường như khác hoàn toàn với hình ảnh con người đã từng chửi rủa, quát tháo quyết liệt khi trước. Con người ấy giờ đây chỉ còn biết ngậm ngùi mà đối diện với tuổi già, với thực tại cuộc sống bế tắc qua cách nói trào phúng:

“Thôi từ đây đến năm mươi, sáu, bảy, tám, chín, mười mươi.  
Già một kiếp, cũng ngày tàn cho mãi kiếp.”

Ở đây, tác giả vẫn sử dụng các yếu tố trào phúng, cách nói mỉa mai, châm chọc “năm mươi, sáu, bảy, tám, chín, mười mươi”, “già một kiếp”, “ngày tàn cho mãi kiếp” nhưng cái cười lại hiện lên với sắc thái đầy chua chát, xót xa. Một vòng lẩn quẩn, bế tắc kéo dài triền miên từ thực tại cho đến cả tương lai sau này được nhà thơ cảm nhận đầy tinh tế, đau xót. Tương lai mà Học Lạc vẽ ra trước mắt người đọc có gì đó tương đồng với tương lai của dân tộc mà ông đã nhìn thấy trước – ảm đạm, mờ mịt. Phong cách trào phúng của ông được thể hiện trong bài thơ ở chỗ tác giả đã miêu tả chân thực cuộc sống hiện tại của gia đình:

“Giờ lão cảnh phải an bề bạch bố  
Say dựa gối ngậm thơ ngậm thơ cho vợ ngủ  
Buồn chong đèn đánh kiệu với con chơi.”

(*Không đề*)

Một cuộc sống an nhàn, yên phận cùng với vợ con khi tuổi đã xế chiều được nhà thơ phác họa một cách tỉ mỉ, chi tiết. Thế nhưng, lời thơ thể hiện vẫn mang nỗi ngậm ngùi, chua xót. Theo ghi chép về tiểu sử nhà thơ Học Lạc của Hồ Sỹ Hiệp và Hoài Anh trong quyển *Những danh sĩ miền Nam (1990)*, nhà thơ có một người vợ với tên thường gọi là bà Bảy Khánh. Bà là người phụ nữ đoan chính, rất mực thương chồng. Hai vợ chồng sống với nhau tuy không có con nhưng cuộc sống rất hòa thuận, đầm ấm. Bà cũng là người rất “sành” về thi phú, vì vậy, cả hai vợ chồng thường làm thơ và đọc cho nhau nghe: “Gia đình đã sẵn có thú vui/ Lọ là phải Nam, Bắc thương hoàng cho nhọc xác”. Mặc dù trong lời thơ, tác giả đã khẳng định bản thân không màng đến chuyện đời, việc nước, thay vào đó là tháng ngày hưởng thú vui bên gia đình “an bề bạch bố”. Nhưng liệu ông có thực sự muốn quay lưng hay không? Liệu một con người từng chửi thẳng mặt lũ quan làng dốt nát, ỷ thế cậy quyền, vênh váo; từng giễu cợt, khinh khi ra mặt bề lũ tay sai bán nước; từng đem bản thân ra như một trò hề với đời, có chắc sẽ bỏ qua hết tất cả?

“Nhìn thế sự nay đà đổi khác  
**Ngẫm bất tài nên há dễ bôn chôn**  
**Co tay một giắc hành môn.”**

(*Không đề*)

Câu thơ lại tiếp tục xuất hiện những yếu tố trào phúng như “ngẫm bất tài” nên “há dễ bôn chôn”, “co tay một giắc hành môn” tiếng cười được gọi lên nhưng là tiếng cười chua chát, tiếc nuối, xót xa khi nhìn về thực tại. Sở dĩ nhà thơ chọn cảnh “an bề bạch bó” chẳng qua chỉ là sự chọn lựa sau cùng, chẳng đáng dừng vì thời cuộc nhiễu nhương, loạn lạc. Toàn bộ bài thơ là một tiếng cười nhưng là cái cười chua xót, cái cười trong đau đớn, cái cười cho thời cuộc đau bể. Cùng với tiếng cười kín đáo, thâm trầm, tiếng cười mang sắc thái chua chát, tiếc nuối là một trong những yếu tố góp phần xác lập nên phong cách trào phúng bộc trực, sâu cay của nhà thơ.

Ngoài ra, điểm đặc sắc nhất trong tiếng cười chua chát, tiếc nuối của tác giả là cái cười được tạo dựng nên từ chính “cái bi”. Nói cách khác, tác giả đã đẩy “cái bi” trong thơ lên đến đỉnh điểm để rồi tự nó buộc phải chuyển hóa thành chính “cái hài” và làm bật lên tiếng cười chua chát. Người đọc có thể bắt gặp quy luật “bi hóa hài” (xem Sơ đồ) này trong các sáng tác thơ tự trào của tác giả. Nhà thơ tự tạo ra tiếng cười nhưng đồng thời cũng tự khóc, tự sầu, tự ưu phiền, ngậm ngùi cho chính mình:

“Để muốn ăn chơi thế vậy à  
 Người đời thắm thoát bóng câu qua  
 Tháng ngày thoi trở năm càng thúc  
 Tơ tóc sương bay tuổi đã già.”

(*Ăn chơi*)

Có thể thấy, bằng việc sáng tác các bài thơ tự trào về bản thân, Học Lạc đã góp phần kiến tạo nên sắc thái chua chát, tiếc nuối cho tiếng cười trào phúng của mình. Con người Nam Bộ ấy đã đau nỗi đau của dân tộc mình, đã biết đầy bi kịch cá nhân mà cũng là của chung thời đại (xem Sơ đồ) lên đến đỉnh điểm để rồi tự nó phải quay ngược lại và tạo ra tiếng cười. Tiếng cười ở đây là một biểu hiện của sự thức nhận lòng yêu nước, yêu quần chúng nhân dân lao động của tác giả, bởi lẽ chỉ có yêu nước, yêu con người nơi ông sinh sống thì mới có thể “cười ra nước mắt” – kiểu cười rất Học Lạc như vậy!

### 3. Kết luận

Kết quả khảo sát và phân tích các sáng tác thơ Nôm trào phúng Học Lạc cho thấy phương diện “sắc thái tiếng cười” trong thơ ông được thể hiện dưới ba đặc điểm cơ bản. *Thứ nhất*, đó là tiếng cười kín đáo, thâm trầm khi bản thân tận mắt chứng kiến những cảnh nhiễu nhương của đời đen bạc nhưng lực bất tòng tâm, chỉ còn biết ngậm ngùi đưa mắt nhìn vào xã hội ông đang sống từng bước đi vào ngõ cụt của sự tan vỡ. *Thứ hai*, đó là tiếng cười đốp chát, bộc trực được xem như một ý thức phản kháng, chống trả quyết liệt trước bọn quan làng dốt nát, sinh chữ hay bọn quan “hùng dũng” hèn mạt. Mặt khác, với sắc thái

tiếng cười này, thi nhân còn tự “hạ bệ” bản thân, tự trào với chính mình nhưng cái tự trào ở đây chung quy cũng nhằm đến cái thể trào, vạch rõ thực cảnh nhồn nháo của xã hội phong kiến Việt Nam trong buổi đầu giao thời. *Thứ ba*, đó là tiếng cười chua chát, tiếc nuối khi bản thân giờ đây đã bước sang tuổi xế chiều, chỉ còn biết chôn chân bó gối nơi góc nhà. Tiếng cười ở đây chất chứa muôn phần sầu não, bi kịch con người bị đẩy lên đỉnh điểm giữa “con gió bụi” của thời đại. Tất cả những điều này đã góp phần thể hiện rõ nét phong cách trào phúng bộc trực, sâu cay của tác giả. Có thể nói, hướng tiếp cận phong cách trào phúng trong thơ Nôm Học Lạc từ phương diện “sắc thái tiếng cười” sẽ giúp người đọc nhận diện rõ hơn về bản sắc con người nhà thơ đồng thời hỗ trợ thiết thực vào quá trình nghiên cứu và học tập thơ văn Học Lạc hiện nay.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bui, Q. H. (1996). *Tho ca trao phung Viet Nam [Vietnamese satirical poetry]*. Dong Nai: Dong Nai Publishing House.
- Ho, S. H., & Hoai Anh (1990). *Nhung danh si mien Nam [Southern celebrities]*. Tien Giang: General Publishing House.
- Khrapchenko, M. B. (1978). *Ca tinh sang tao cua nha van va su phat trien van hoc (Le Son, Nguyen Minh dich) [Creative personality of writers and literary development (Le Son, Nguyen Minh translation)]*. Hanoi: New Works Publishing House.
- Nguyen, D. M. (2002). *Con duong di vao the gioi nghe thuat cua nha van [The way into the world of art of the writer]*. Hanoi: Education Publishing House.
- Nguyen, K. S. (2004). *Phong cach thoi dai nhìn tu mot the loai van hoc [The style of the era as seen from a literary genre]*. Hanoi: Literature Publishing House.
- Tran, T. C. L. (2018). *Tho ca hien thuc trao phung Nam Ki luc tinh cuoi the ki XIX – dau the ki XX (Khao sat qua tho Phan Van Tri, Huynh Man Dat, Hoc Lac va Nhieue Tam) [Realistic satirical poetry in Cochinchina in the late 19<sup>th</sup> century – early 20<sup>th</sup> century (Surveying through poems by Phan Van Tri, Huynh Man Dat, Hoc Lac and Nhieue Tam)]*. Master thesis. Ho Chi Minh City University of Education.
- Tran, T. D. (Editor) (2012). *Tai lieu day – hoc Ngu van dia phuong Tien Giang (Dung cho cac trung trung hoc co so thuc tinh Tien Giang) [Teaching and learning materials for local Literature in Tien Giang (For secondary schools in Tien Giang province)]*. Can Tho: Vietnam Education Publishing House.
- Vu, N. K. (2011). *Van hoa lang o Viet Nam [Village culture in Vietnam]*. Hanoi: Culture – Information Publishing House.

**SHADES OF LAUGHTER IN HOC LAC'S SATIRICAL NOM POEMS**

*Nguyen Huu Rang*

*Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam*

*Corresponding author: Nguyen Huu Rang - Email: 4401601040@student.hcmue.edu.vn*

*Received: November 14, 2021; Revised: February 17, 2022; Accepted: April 21, 2022*

**ABSTRACT**

*Hoc Lac is one of the outstanding Southern poets with the line of satirical Nom poems with many outstanding contributions to medieval folk poetry in the second half of the nineteenth century. Using stylistic research and structural analysis, the article analyzes the shades of laughter, a unique art feature in his satirical poems. The shades of laughter in Hoc Lac's satirical Nom poems appear with three characteristics: discreet, deep laughter; laugh out loud, outspoken and bitter, regretful laughter. The article then aims to clarify a prominent feature in the poet's blunt and blunt satirical style. In addition, the article also contributes to documentation and collection of Nom satirical poems of Hoc Lac, which tend to be lost or folklorized so far.*

**Keywords:** artistic style; Hoc Lac; Nom satirical poetry; shades of laughter